|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 9**  **Năm học 2023-2024** |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.**

***PHẦN ĐỊA LÍ***

***1. Kiến thức:***

- Thông qua bài kiểm tra, đánh giá trình độ nhận thức của học sinh về những kiến thức đã học về:

- Địa lí dân cư, đô thị hóa

- Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp

- Sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

***2. Định hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: Khả năng tư duy làm việc độc lập.

- Năng lực chuyên biệt: Biết tính toán, phân tích, giải thích, giải quyết vấn đề.

***3. Phẩm chất:***

- Từ kiến thức bài học, học sinh biết quý trọng thời gian

- Làm việc khoa học.

**B. KHUNG MA TRẬN.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| 1 | Địa lí dân cư | – Thành phần dân tộc  – Gia tăng dân số ở các thời kì  – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính  – Phân bố dân cư  – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn  – Lao động và việc làm  – Chất lượng cuộc sống | 2TN  2TN  4TN |  |  |  | 2TN  2TN |  | 2TN |  | 3,5 |
| 2 | Nông nghiệp | – Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản | 2TN  2TN  4TN |  | 2TL |  | 2TN  2TN |  | 2TN |  | 6,5 |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***40%*** | | ***30%*** | | ***20%*** | | ***10%*** | |  |

**C. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| 1 | Địa lí dân cư | – Thành phần dân tộc  – Gia tăng dân số ở các thời kì  – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính  – Phân bố dân cư  – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn  – Lao động và việc làm  – Chất lượng cuộc sống | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.  **Thông hiểu**  – Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.  – Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.  **Vận dụng**  – Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.  – Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.  – Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.  – Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước. | 2TN  2TN  4TN |  | 2TN  2TN | 2TN |
| 2 | Nông nghiệp | – Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản | **Nhận biết**  – Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản.  **Thông hiểu**  – Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp (các nhân tố tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, nước, sinh vật; các nhân tố kinh tế-xã hội: dân cư và nguồn lao động, thị trường, chính sách, công nghệ, vốn đầu tư).  – Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.  – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.  **Vận dụng**  – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. | 2TN  2TN  4TN | 2TL | 2TN  2TN | 2TN |
| Số câu/ loại câu | | |  | 28 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu ( TL | 2 câu TN |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40*** | ***30*** | ***20*** | ***10*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 1** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 9**  **Năm học 2023-2024** |

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

*Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:*

**Câu 1.** Trên thế giới, nước ta nằm trong số các nước có mật độ dân số

**A.** Thấp **B.** Trung bình **C.** Cao **D.** Rất cao

**Câu 2.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

**A.** Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

**B.** Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

**C.** Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

**D.** Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

**Câu 3.** Nước ta có cơ cấu dân số

**A.** Cơ cấu dân số ổn định. **B.** Cơ cấu dân số già.

**C.** Cơ cấu dân số trẻ. **D.** Cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa.

**Câu 4.** Nhân tố quyết định đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp là

**A.** Nhân tố tự nhiên **B.** Yếu tố thị trường

**C.** Nhân tố kinh tế – xã hội **D.** Sự phát triển công nghiệp

**Câu 5.** Các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, hồ tiêu, điều được trồng nhiều ở đâu?

**A.** Đồng bằng Sông Cửu Long **B.** Tây Nguyên

**C.** Đông Nam Bộ **D.** Trung Du Bắc Bộ

**Câu 6.** Lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội và có vai trò

**A.** Bảo vệ con người và động vật. **B.** Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.

**C.** Thúc đẩy sự phát triển ngành chăn nuôi. **D.** Giữ gìn môi trường sinh thái.

**Câu 7.** Cơ cấu nông nghiệp nước ta đang thay đổi theo hướng

**A.** Tăng tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm.

**B.** Tăng tỉ trọng cây cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp.

**C.** Tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.

**D.** Tăng tỉ trọng cây lúa, giảm tỉ trọng cây hoa màu.

**Câu 8.** Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì

**A.** Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.

**B.** Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

**C.** Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**D.** Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.

**Câu 9.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta

**A.** Cây lương thực **B.** Cây ăn quả và rau đậu

**C.** Cây hoa màu **D.** Cây công nghiệp

**Câu 10.** Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước năm 2005 (Đơn vị triệu USD)

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | Giá trị (triệu USD) |
| Nông –lâm – ngư nghiệp | 77520 |
| Công nghiệm –Xây dựng | 92357 |
| Dịch vụ | 125819 |
| Tổng | 295696 |

Cơ cấu ngành dịch vụ là:

**A.** 45% **B.** 40,1% **C.** 43,5% **D.** 42,6%

**Câu 11.** Tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp trong cơ cấu GDP giảm và chiếm tỉ trọng thấp nhất chứng tỏ:

**A.** Nước ta đang rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

**B.** Nông, lâm, ngư nghiệp có vị trí không quan trọng trong nền kinh tế nước ta.

**C.** Nước ta đã hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

**D.** Nước ta đang chuyển từng bước từ nông nghiệp sang công nghiệp.

**Câu 12.** Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là

**A.** Khí hậu **B.** Nước **C.** Đất đai **D.** Sinh vật

**Câu 13.** Lúa gạo là cây lương thực chính của nước ta là vì:

**A.** Có nhiều lao động tham gia sản xuất

**B.** Cả A, C, D.

**C.** Khí hậu và địa chất phù hợp để trồng

**D.** Năng suất cao, người dân quen dùng

**Câu 14.** Loại rừng nào có thể tiến hành khai thác gỗ đi đôi với trồng mới?

**A.** Rừng phòng hộ. **B.** Rừng sản xuất.

**C.** Rừng đặc dụng. **D.** Tất cả các loại rừng trên.

**Câu 15.** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

**A.** Phù sa **B.** Feralit **C.** Mùn núi cao **D.** Đất cát

**Câu 16.** Trong thời gian qua diện tích trồng lúa không tăng nhiều nhưng sản lượng lúa tăng nhanh điều đó chứng tỏ

**A.** Đã thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa nước.

**B.** Tình trạng độc canh cây lúa nước ngày càng tăng.

**C.** Thâm canh tăng năng suất được chú trọng hơn mở rộng diện tích.

**D.** Nước ta đang đẩy mạnh thâm canh cây lúa nước.

**Câu 17.** Số dân và tỉ lệ dân thành thị có xu hướng

**A.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**B.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**C.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**D.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**Câu 18.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế:

**A.** Từ nền kinh tế nhiều thành phần sang nền kinh tế tập trung nhà nước và tập thể.

**B.** Cả nước hình thành 3 vùng kinh tế phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

**C.** Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.

**Câu 19.** Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là

**A.** Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.

**B.** Phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

**C.** Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải và Đông Nam Bộ.

**D.** Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ.

**Câu 20.** Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

**A.** 1975 **B.** 1986. **C.** 1945 **D.** 1930

**Câu 21.** Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở

**A.** Các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

**C.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ **D.** Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ

**Câu 22.** Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh

**A.** Rất cao **B.** Tương đối thấp **C.** Cao **D.** Trung bình

**Câu 23.** Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là

**A.** Lao động đơn giản **B.** Lao động trình độ cao

**C.** Tất cả chưa qua đào tạo **D.** Đã qua đào tạo

**Câu 24.** Dân số nước đứng vào hàng thứ mấy so với dân số thế giới (năm 2022)

**A.** 14 **B.** 12 **C.** 15 **D.** 13

**Câu 25.** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với

**A.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.

**B.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**C.** Môi trường, chất lượng cuộc sống.

**D.** Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

**Câu 26.** Dân số nước ta năm 2022 là

**A.** 97,3 triệu người **B.** 99,3 triệu người

**C.** 98,3 triệu người **D.** 96,3 triệu người

**Câu 27.** Kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản nước ta (năm 2002) đạt gần 2014 triệu USD. So với ngành dầu khí, may mặc, giầy da thì kim ngạch ngành thủy sản đứng thứ:

**A.** Nhì **B.** Nhất **C.** Ba **D.** Tư

**Câu 28.** Nước ta gồm những loại rừng nào?

**A.** Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất

**B.** Rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh và rừng đặc dụng

**C.** Rừng sản xuất, rừng sinh thái và rừng phòng hộ

**D.** Rừng sản xuất, rừng quốc gia và rừng phòng hộ

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1** (2 điểm): Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.

**Câu 2** (1 điểm):: Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 2** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 9**  **Năm học 2023-2024** |

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

*Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:*

**Câu 1.** Tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp trong cơ cấu GDP giảm và chiếm tỉ trọng thấp nhất chứng tỏ:

**A.** Nước ta đang chuyển từng bước từ nông nghiệp sang công nghiệp.

**B.** Nước ta đang rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

**C.** Nước ta đã hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

**D.** Nông, lâm, ngư nghiệp có vị trí không quan trọng trong nền kinh tế nước ta.

**Câu 2.** Các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, hồ tiêu, điều được trồng nhiều ở đâu?

**A.** Đồng bằng Sông Cửu Long **B.** Đông Nam Bộ

**C.** Tây Nguyên **D.** Trung Du Bắc Bộ

**Câu 3.** Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là

**A.** Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ.

**B.** Phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

**C.** Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải và Đông Nam Bộ.

**D.** Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.

**Câu 4.** Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

**A.** 1945 **B.** 1930 **C.** 1975 **D.** 1986.

**Câu 5.** Cơ cấu nông nghiệp nước ta đang thay đổi theo hướng

**A.** Tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.

**B.** Tăng tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm.

**C.** Tăng tỉ trọng cây cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp.

**D.** Tăng tỉ trọng cây lúa, giảm tỉ trọng cây hoa màu.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước năm 2005 (Đơn vị triệu USD)

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | Giá trị (triệu USD) |
| Nông –lâm – ngư nghiệp | 77520 |
| Công nghiệm –Xây dựng | 92357 |
| Dịch vụ | 125819 |
| Tổng | 295696 |

Cơ cấu ngành dịch vụ là:

**A.** 45% **B.** 43,5% **C.** 42,6% **D.** 40,1%

**Câu 7.** Trong thời gian qua diện tích trồng lúa không tăng nhiều nhưng sản lượng lúa tăng nhanh điều đó chứng tỏ

**A.** Đã thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa nước.

**B.** Thâm canh tăng năng suất được chú trọng hơn mở rộng diện tích.

**C.** Tình trạng độc canh cây lúa nước ngày càng tăng.

**D.** Nước ta đang đẩy mạnh thâm canh cây lúa nước.

**Câu 8.** Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là

**A.** Nước **B.** Khí hậu **C.** Sinh vật **D.** Đất đai

**Câu 9.** Trên thế giới, nước ta nằm trong số các nước có mật độ dân số

**A.** Cao **B.** Trung bình **C.** Thấp **D.** Rất cao

**Câu 10.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế:

**A.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.

**B.** Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

**C.** Từ nền kinh tế nhiều thành phần sang nền kinh tế tập trung nhà nước và tập thể.

**D.** Cả nước hình thành 3 vùng kinh tế phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

**Câu 11.** Nước ta có cơ cấu dân số

**A.** Cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa. **B.** Cơ cấu dân số ổn định.

**C.** Cơ cấu dân số già. **D.** Cơ cấu dân số trẻ.

**Câu 12.** Số dân và tỉ lệ dân thành thị có xu hướng

**A.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**B.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**C.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**D.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**Câu 13.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

**A.** Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

**B.** Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

**C.** Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

**D.** Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

**Câu 14.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta

**A.** Cây lương thực **B.** Cây ăn quả và rau đậu

**C.** Cây công nghiệp **D.** Cây hoa màu

**Câu 15.** Lúa gạo là cây lương thực chính của nước ta là vì:

**A.** Có nhiều lao động tham gia sản xuất **B.** Năng suất cao, người dân quen dùng

**C.** Khí hậu và địa chất phù hợp để trồng **D.** Tất cả các lý do trên.

**Câu 16.** Lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội và có vai trò

**A.** Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp. **B.** Giữ gìn môi trường sinh thái.

**C.** Thúc đẩy sự phát triển ngành chăn nuôi. **D.** Bảo vệ con người và động vật.

**Câu 17.** Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì

**A.** Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**B.** Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.

**C.** Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

**D.** Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.

**Câu 18.** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

**A.** Đất cát ven biển **B.** Phù sa **C.** Mùn núi cao **D.** Feralit

**Câu 19.** Loại rừng nào có thể tiến hành khai thác gỗ đi đôi với trồng mới?

**A.** Tất cả các loại rừng trên. **B.** Rừng phòng hộ.

**C.** Rừng sản xuất. **D.** Rừng đặc dụng.

**Câu 20.** Nhân tố quyết định đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp là

**A.** Yếu tố thị trường **B.** Nhân tố kinh tế – xã hội

**C.** Nhân tố tự nhiên **D.** Sự phát triển công nghiệp

**Câu 21.** Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là

**A.** Đã qua đào tạo **B.** Lao động trình độ cao

**C.** Tất cả chưa qua đào tạo **D.** Lao động đơn giản

**Câu 22.** Kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản nước ta (năm 2002) đạt gần 2014 triệu USD. So với ngành dầu khí, may mặc, giầy da thì kim ngạch ngành thủy sản đứng thứ:

**A.** Ba **B.** Nhì **C.** Nhất **D.** Tư

**Câu 23.** Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên **B.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

**C.** Các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ

**Câu 24.** Dân số nước đứng vào hàng thứ mấy so với dân số thế giới (năm 2022)

**A.** 14 **B.** 12 **C.** 13 **D.** 15

**Câu 25.** Nước ta gồm những loại rừng nào?

**A.** Rừng sản xuất, rừng quốc gia và rừng phòng hộ

**B.** Rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh và rừng đặc dụng

**C.** Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất

**D.** Rừng sản xuất, rừng sinh thái và rừng phòng hộ

**Câu 26.** Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh

**A.** Trung bình **B.** Cao **C.** Rất cao **D.** Tương đối thấp

**Câu 27.** Dân số nước ta năm 2022 là

**A.** 99,3 triệu người **B.** 96,3 triệu người **C.** 97,3 triệu người **D.** 98,3 triệu người

**Câu 28.** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với

**A.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**B.** Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

**C.** Môi trường, chất lượng cuộc sống.

**D.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1** (2 điểm): Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.

**Câu 2** (1 điểm):: Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 3** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 9**  **Năm học 2023-2024** |

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

*Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:*

**Câu 1.** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

**A.** Feralit **B.** Mùn núi cao **C.** Đất cát ven biển **D.** Phù sa

**Câu 2.** Cơ cấu nông nghiệp nước ta đang thay đổi theo hướng

**A.** Tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.

**B.** Tăng tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm.

**C.** Tăng tỉ trọng cây cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp.

**D.** Tăng tỉ trọng cây lúa, giảm tỉ trọng cây hoa màu.

**Câu 3.** Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là

**A.** Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ. **B.** Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.

**C.** Phía Bắc, miền Trung và phía Nam. **D.** Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải và Đông Nam Bộ.

**Câu 4.** Lúa gạo là cây lương thực chính của nước ta là vì:

**A.** Cả B, C, D **B.** Khí hậu và địa chất phù hợp để trồng

**C.** Năng suất cao, người dân quen dùng **D.** Có nhiều lao động tham gia sản xuất

**Câu 5.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

**A.** Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

**B.** Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

**C.** Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

**D.** Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

**Câu 6.** Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là

**A.** Khí hậu **B.** Nước **C.** Đất đai **D.** Sinh vật

**Câu 7.** Số dân và tỉ lệ dân thành thị có xu hướng

**A.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**B.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**C.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**D.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**Câu 8.** Nhân tố quyết định đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp là

**A.** Nhân tố tự nhiên **B.** Nhân tố kinh tế – xã hội

**C.** Sự phát triển công nghiệp **D.** Yếu tố thị trường

**Câu 9.** Các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, hồ tiêu, điều được trồng nhiều ở đâu?

**A.** Tây Nguyên **B.** Đông Nam Bộ

**C.** Trung Du Bắc Bộ **D.** Đồng bằng Sông Cửu Long

**Câu 10.** Lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội và có vai trò

**A.** Bảo vệ con người và động vật. **B.** Thúc đẩy sự phát triển ngành chăn nuôi.

**C.** Giữ gìn môi trường sinh thái. **D.** Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.

**Câu 11.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế:

**A.** Cả nước hình thành 3 vùng kinh tế phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

**B.** Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

**C.** Từ nền kinh tế nhiều thành phần sang nền kinh tế tập trung nhà nước và tập thể.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.

**Câu 12.** Tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp trong cơ cấu GDP giảm và chiếm tỉ trọng thấp nhất chứng tỏ:

**A.** Nông, lâm, ngư nghiệp có vị trí không quan trọng trong nền kinh tế nước ta.

**B.** Nước ta đang chuyển từng bước từ nông nghiệp sang công nghiệp.

**C.** Nước ta đã hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

**D.** Nước ta đang rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

**Câu 13.** Loại rừng nào có thể tiến hành khai thác gỗ đi đôi với trồng mới?

**A.** Tất cả các loại rừng trên. **B.** Rừng đặc dụng.

**C.** Rừng sản xuất. **D.** Rừng phòng hộ.

**Câu 14.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta

**A.** Cây công nghiệp **B.** Cây lương thực

**C.** Cây ăn quả và rau đậu **D.** Cây hoa màu

**Câu 15.** Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước năm 2005 (Đơn vị triệu USD)

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | Giá trị (triệu USD) |
| Nông –lâm – ngư nghiệp | 77520 |
| Công nghiệm –Xây dựng | 92357 |
| Dịch vụ | 125819 |
| Tổng | 295696 |

Cơ cấu ngành dịch vụ là:

**A.** 42,6% **B.** 43,5% **C.** 45% **D.** 40,1%

**Câu 16.** Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

**A.** 1975 **B.** 1930 **C.** 1945 **D.** 1986.

**Câu 17.** Nước ta có cơ cấu dân số

**A.** Cơ cấu dân số già. **B.** Cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa.

**C.** Cơ cấu dân số trẻ. **D.** Cơ cấu dân số ổn định.

**Câu 18.** Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì

**A.** Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**B.** Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

**C.** Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.

**D.** Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.

**Câu 19.** Trong thời gian qua diện tích trồng lúa không tăng nhiều nhưng sản lượng lúa tăng nhanh điều đó chứng tỏ

**A.** Đã thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa nước.

**B.** Tình trạng độc canh cây lúa nước ngày càng tăng.

**C.** Thâm canh tăng năng suất được chú trọng hơn mở rộng diện tích.

**D.** Nước ta đang đẩy mạnh thâm canh cây lúa nước.

**Câu 20.** Trên thế giới, nước ta nằm trong số các nước có mật độ dân số

**A.** Trung bình **B.** Thấp **C.** Cao **D.** Rất cao

**Câu 21.** Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở

**A.** Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ **B.** Các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ

**C.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

**Câu 22.** Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh

**A.** Rất cao **B.** Cao **C.** Tương đối thấp **D.** Trung bình

**Câu 23.** Dân số nước ta năm 2022 là

**A.** 99,3 triệu người **B.** 98,3 triệu người **C.** 97,3 triệu người **D.** 96,3 triệu người

**Câu 24.** Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là

**A.** Lao động đơn giản **B.** Đã qua đào tạo

**C.** Lao động trình độ cao **D.** Tất cả chưa qua đào tạo

**Câu 25.** Dân số nước đứng vào hàng thứ mấy so với dân số thế giới (năm 2022)

**A.** 13 **B.** 15 **C.** 14 **D.** 12

**Câu 26.** Kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản nước ta (năm 2002) đạt gần 2014 triệu USD. So với ngành dầu khí, may mặc, giầy da thì kim ngạch ngành thủy sản đứng thứ:

**A.** Nhì **B.** Ba **C.** Tư **D.** Nhất

**Câu 27.** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với

**A.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**B.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.

**C.** Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

**D.** Môi trường, chất lượng cuộc sống.

**Câu 28.** Nước ta gồm những loại rừng nào?

**A.** Rừng sản xuất, rừng sinh thái và rừng phòng hộ

**B.** Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất

**C.** Rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh và rừng đặc dụng

**D.** Rừng sản xuất, rừng quốc gia và rừng phòng hộ

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1** (2 điểm): Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.

**Câu 2** (1 điểm):: Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**  **Đề số 4** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 9**  **Năm học 2023-2024** |

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

*Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:*

**Câu 1.** Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

**A.** 1945 **B.** 1986. **C.** 1975 **D.** 1930

**Câu 2.** Cơ cấu nông nghiệp nước ta đang thay đổi theo hướng

**A.** Tăng tỉ trọng cây lúa, giảm tỉ trọng cây hoa màu.

**B.** Tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.

**C.** Tăng tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm.

**D.** Tăng tỉ trọng cây cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp.

**Câu 3.** Các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, hồ tiêu, điều được trồng nhiều ở đâu?

**A.** Trung Du Bắc Bộ **B.** Đồng bằng Sông Cửu Long

**C.** Đông Nam Bộ **D.** Tây Nguyên

**Câu 4.** Số dân và tỉ lệ dân thành thị có xu hướng

**A.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**B.** Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**C.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**D.** Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước năm 2005 (Đơn vị triệu USD)

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | Giá trị (triệu USD) |
| Nông –lâm – ngư nghiệp | 77520 |
| Công nghiệm –Xây dựng | 92357 |
| Dịch vụ | 125819 |
| Tổng | 295696 |

Cơ cấu ngành dịch vụ là:

**A.** 40,1% **B.** 43,5% **C.** 42,6% **D.** 45%

**Câu 6.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

**A.** Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

**B.** Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

**C.** Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

**D.** Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

**Câu 7.** Lúa gạo là cây lương thực chính của nước ta là vì:

**A.** Có nhiều lao động tham gia sản xuất **B.** Cả A, C, D

**C.** Năng suất cao, người dân quen dùng **D.** Khí hậu và địa chất phù hợp để trồng

**Câu 8.** Loại rừng nào có thể tiến hành khai thác gỗ đi đôi với trồng mới?

**A.** Tất cả các loại rừng trên. **B.** Rừng đặc dụng.

**C.** Rừng sản xuất. **D.** Rừng phòng hộ.

**Câu 9.** Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì

**A.** Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.

**B.** Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

**C.** Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.

**D.** Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**Câu 10.** Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải và Đông Nam Bộ.

**B.** Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ.

**C.** Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.

**D.** Phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

**Câu 11.** Nhân tố quyết định đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp là

**A.** Yếu tố thị trường **B.** Nhân tố kinh tế – xã hội

**C.** Sự phát triển công nghiệp **D.** Nhân tố tự nhiên

**Câu 12.** Trong thời gian qua diện tích trồng lúa không tăng nhiều nhưng sản lượng lúa tăng nhanh điều đó chứng tỏ

**A.** Thâm canh tăng năng suất được chú trọng hơn mở rộng diện tích.

**B.** Nước ta đang đẩy mạnh thâm canh cây lúa nước.

**C.** Đã thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa nước.

**D.** Tình trạng độc canh cây lúa nước ngày càng tăng.

**Câu 13.** Tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp trong cơ cấu GDP giảm và chiếm tỉ trọng thấp nhất chứng tỏ:

**A.** Nước ta đang rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

**B.** Nông, lâm, ngư nghiệp có vị trí không quan trọng trong nền kinh tế nước ta.

**C.** Nước ta đang chuyển từng bước từ nông nghiệp sang công nghiệp.

**D.** Nước ta đã hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

**Câu 14.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta

**A.** Cây công nghiệp **B.** Cây ăn quả và rau đậu

**C.** Cây lương thực **D.** Cây hoa màu

**Câu 15.** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

**A.** Mùn núi cao **B.** Phù sa **C.** Đất cát ven biển **D.** Feralit

**Câu 16.** Trên thế giới, nước ta nằm trong số các nước có mật độ dân số

**A.** Cao **B.** Trung bình **C.** Rất cao **D.** Thấp

**Câu 17.** Nước ta có cơ cấu dân số

**A.** Cơ cấu dân số trẻ. **B.** Cơ cấu dân số già.

**C.** Cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa. **D.** Cơ cấu dân số ổn định.

**Câu 18.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế:

**A.** Từ nền kinh tế nhiều thành phần sang nền kinh tế tập trung nhà nước và tập thể.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.

**C.** Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

**D.** Cả nước hình thành 3 vùng kinh tế phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

**Câu 19.** Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là

**A.** Nước **B.** Sinh vật **C.** Khí hậu **D.** Đất đai

**Câu 20.** Lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội và có vai trò

**A.** Bảo vệ con người và động vật. **B.** Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.

**C.** Giữ gìn môi trường sinh thái. **D.** Thúc đẩy sự phát triển ngành chăn nuôi.

**Câu 21.** Nước ta gồm những loại rừng nào?

**A.** Rừng sản xuất, rừng quốc gia và rừng phòng hộ

**B.** Rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh và rừng đặc dụng

**C.** Rừng sản xuất, rừng sinh thái và rừng phòng hộ

**D.** Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất

**Câu 22.** Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là

**A.** Lao động trình độ cao **B.** Lao động đơn giản

**C.** Đã qua đào tạo **D.** Tất cả chưa qua đào tạo

**Câu 23.** Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh

**A.** Tương đối thấp **B.** Cao **C.** Rất cao **D.** Trung bình

**Câu 24.** Kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản nước ta (năm 2002) đạt gần 2014 triệu USD. So với ngành dầu khí, may mặc, giầy da thì kim ngạch ngành thủy sản đứng thứ:

**A.** Ba **B.** Tư **C.** Nhất **D.** Nhì

**Câu 25.** Dân số nước ta năm 2022 là

**A.** 97,3 triệu người **B.** 96,3 triệu người **C.** 98,3 triệu người **D.** 99,3 triệu người

**Câu 26.** Dân số nước đứng vào hàng thứ mấy so với dân số thế giới (năm 2022)

**A.** 14 **B.** 12 **C.** 15 **D.** 13

**Câu 27.** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với

**A.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**B.** Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

**C.** Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.

**D.** Môi trường, chất lượng cuộc sống.

**Câu 28.** Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên **B.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

**C.** Các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1** (2 điểm): Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.

**Câu 2** (1 điểm):: Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 9**  **Năm học 2023-2024** |

**I. TRẮC NGHIỆM ( 7 điểm)**

*Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề** | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | **Câu 9** | **Câu 10** |
| **1** | **D** | **D** | **D** | **C** | **C** | **D** | **C** | **B** | **A** | **D** |
| **2** | **A** | **B** | **B** | **D** | **A** | **C** | **B** | **D** | **D** | **B** |
| **3** | **A** | **A** | **C** | **A** | **C** | **C** | **D** | **B** | **B** | **C** |
| **4** | **B** | **B** | **C** | **C** | **C** | **A** | **B** | **C** | **B** | **D** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề** | **Câu 11** | **Câu 12** | **Câu 13** | **Câu 14** | **Câu 15** | **Câu 16** | **Câu 17** | **Câu 18** | **Câu 19** | **Câu 20** |
| **1** | **D** | **C** | **B** | **B** | **B** | **C** | **C** | **C** | **B** | **B** |
| **2** | **A** | **C** | **D** | **A** | **D** | **B** | **C** | **D** | **C** | **B** |
| **3** | **B** | **B** | **C** | **B** | **A** | **D** | **B** | **B** | **C** | **D** |
| **4** | **B** | **A** | **C** | **C** | **D** | **C** | **C** | **C** | **D** | **C** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề** | **Câu 21** | **Câu 22** | **Câu 23** | **Câu 24** | **Câu 25** | **Câu 26** | **Câu 27** | **Câu 28** |
| **1** | **A** | **B** | **A** | **C** | **B** | **B** | **C** | **A** |
| **2** | **D** | **A** | **C** | **D** | **C** | **D** | **A** | **A** |
| **3** | **B** | **C** | **A** | **A** | **B** | **B** | **A** | **B** |
| **4** | **D** | **B** | **A** | **A** | **D** | **C** | **A** | **C** |

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 1**  (2 điểm) | ***Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.***  - Tài nguyên đất:  + Đất là tài nguyên quý giá, là tư liệu sản xuất không thể thay thế được  + Tài nguyên đất khá đa dạng gồn 2 nhóm chủ yếu là đất feralit thích hợp trồng các cây công nghiệp lâu năm và đất phù sa thích hợp trồng cây lương thực, rau đậu và cây công nghiệp ngắn ngày.  - Tài nguyên khí hậu:  + Khí hậu nhiệt đới gió mùa với nguồn nhiệt cao, độ ẩm lớn thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng vật nuôi.  + Khí hậu thay đổi từ bắc vào nam làm cho cơ cấu mùa vụ của các vùng có sự khác nhau, ở miền bắc có thể trồng các cây vụ đông.  - Tài nguyên  + Nguồn nước phong phú, cung cấp nước cho phát triển nông nghiệp.  + Nguồn nước ngầm khá dồi dào  - Tài nguyên sinh vật phong phú, là cơ sở để thuần dưỡng, tạo nên các cây trồng, vật nuôi; nguồn lợi thủy hải sản phong phú,... |  |
| **Câu 2**  (1 điểm) | ***Sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp:***  - Nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.  - Tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản.  - Thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu, có thể xâm nhập vào thị trường khó tính như EU.  - Thúc đẩy sự phát triển các vùng chuyên canh với quy mô lớn.  - Nhờ sự hỗ trợ tích cực của công nghiệp chế biến, ngành nông nghiệp nước ta trở thành ngành sản xuất hàng hoá. | 1 điểm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***GV ra đề*** | ***Tổ/Nhóm CM duyệt*** | ***BGH duyệt*** |
| Trần Thị Ngoan | Phạm Thanh Dung | Đặng Thị Tuyết Nhung |